

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/11/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tân
Bà Danh Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham
gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn L, sinh năm 1999. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số E, ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Khuru T, sinh năm 1999. (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm C, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 05/7/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn L trình bày:

Chị và anh Khuru T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2020, sau đó đăng ký kết hôn vào ngày 22/5/2023 tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Hai vợ chồng chị sống tại nhà cha mẹ chồng ở Khóm C, Phường A, thị xã N. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng chị sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã,

do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh T đã ly thân với nhau từ ngày 30/4/2024 đến nay. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Khuru T.

Về con chung: Chị và anh Khuru T có một con chung tên Khuru H, sinh ngày 05/01/2021. Cháu H hiện nay đang sống chung với anh T, chị yêu cầu giao con cho anh T nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay hoàn cảnh của chị quá khó khăn.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nguyên đơn chị L có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

2/ Tại phiên tòa bị đơn anh Khuru T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn L tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2019 và đến năm 2023 thì anh và chị L mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Hai vợ chồng anh sống tại Khóm C, Phường A, thị xã N, quá trình sống chung đã có một con chung là cháu Khuru H, sinh ngày 05/01/2021, hiện nay anh đang nuôi cháu H do vợ bỏ nhà đi từ ngày 30/4/2024 đến nay, từ lúc bỏ nhà đi đến nay không có gọi điện thoại về hỏi thăm con. Quá trình sống chung thì vợ chồng anh cũng không phát sinh mâu thuẫn gì lớn chỉ cãi nhau rồi chị L bỏ nhà đi luôn đến nay. Tại phiên tòa anh cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn L. Về con chung anh yêu cầu nuôi con chung cháu Khuru H, sinh ngày 05/01/2021, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng anh không yêu cầu xem xét.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn có mặt đã chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Khuru H, sinh ngày 05/01/2021 cho anh T nuôi dưỡng; Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho chị L theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Khuru T và chị Nguyễn L là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị L, theo chị L cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau như vợ chồng được nữa nên nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Khuru T; Còn anh T trình bày giữa anh và chị L cũng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến hai vợ chồng ly thân với nhau từ ngày 30/4/2024 đến nay cũng không thể hàn gắn lại với nhau, tại phiên tòa thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị L. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của anh T và chị L đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, ly thân với nhau từ ngày 30/4/2024 đến nay không ai quan tâm đến ai, chị L yêu cầu ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn, tình trạng mâu thuẫn giữa anh T và chị L là trầm trọng không thể khắc phục. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Anh Khuru T và chị Nguyễn L có một con chung là cháu Khuru H, sinh ngày 05/01/2021, theo anh T và chị L thống nhất trình bày thì hiện nay cháu H do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H hiện nay còn nhỏ chưa đủ 07 tuổi, anh T yêu cầu được nuôi con và chị L cũng đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Giữa anh T và chị L thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giao con chung cho anh T nuôi, phù hợp môi trường sống, không làm xáo trộn môi trường sống của cháu H và không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu H cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận và quyết định giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho chị L không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và chị Nguyễn L được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005321

ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Anh Khuru T không phải chịu án phí.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn L.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn L được ly hôn với Anh Khuru T.

2/ Về con chung: Giao cháu Khuru H, sinh ngày 05/01/2021 cho anh Khuru T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Nguyễn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và chị Nguyễn L được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005321 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Anh Khuru T không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường A, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng